

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2022.

Về việc ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15-4-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 10-01-2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10-3-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: /QĐ-TA ngày 28.3.2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã H1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1987 - (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Nguyễn Thị D trình bày*

Chị kết hôn với anh H vào ngày 20/8/2008, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị D về nH anh H làm dâu ngày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, nên anh H đánh chị , nên chị đã về nH mẹ đẻ. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung. Vợ chồng chị có 03 con chung là Phan Duy THnh, sinh ngày 10/11/2012; Phan Thị Mỹ Hoàn, sinh ngày 10/11/2012; Phan Thị Thùy Trang, sinh ngày 29/8/2008 hiện cả 3 con chung đang ở với chị, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường từ khi ly thân đến nay chị vẫn nuôi cả 3 con chung, anh H không có trách nhiệm đóng góp gì. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 3 con không yêu cầu anh H cấp dưỡng, hiện tại chị bán Hng online tại nH lương, thu nhập khoảng 10.000.000đ/1 tháng đủ tiền nuôi con;

Về tài sản chung, công nợ chung. Vợ chồng chị không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

**** Tại biên bản ghi lời khai của anh Phan Văn H trình bày:***

Việc kết hôn như chị D trình bày là đúng; Còn về mâu thuẫn tháng 8/2021 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong cuộc sống có bất đồng về quan điểm nên vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, anh có tát chị D mấy cái nên chị D dẫn theo 3 con bỏ về nH mẹ đẻ sinh sống. Anh có sang xin lỗi, đón chị về nhưng chị D cương quyết không về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. nay chị D xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung như chị D trình bày là đúng; Từ khi vợ chồng ly thân đến nay các con vẫn ở chung cùng chị D, Nếu chị D kiên quyết xin ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Hiện tại anh đi lái xe thuê sáng đi tối về, thu nhập bình quân 7.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến các cháu Trang, Hoàn, THnh nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp Hnh đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp Hnh đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp Hnh đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, không đến tham gia phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị D được ly hôn anh H. Về con chung, giao cả 3 con chung cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ, chị D, anh H xác định không có. Nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị D làm đơn xin ly hôn anh H; yêu cầu giải quyết về con chung; Về tài sản, công nợ không có. Xác định về quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị D xin ly hôn anh H; Anh H hiện đang cư trú tại xã H1, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phan Văn H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh H có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/8/2008. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Tại đơn khởi kiện, lời khai của chị D trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H mãi chơi, không tu trí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau đỉnh điểm tháng 9/2021, anh H có đánh, tát chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù phía anh H không nhất trí anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, anh xin về đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương cũng như lời khai của chị D và anh H đều thừa nhận vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn cãi chửi đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai từ tháng 9/2021 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không tồn tại từ tháng 9 năm 2021 đến nay, mục đích của hôn nhân không đạt được hai bên đã không quan tâm, sống ly thân nhau thời gian đã dài nên việc chị D xin ly hôn anh H là có căn cứ để chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung. Vợ chồng chị D, anh H có 03 con chung là Phan Duy THnh, sinh ngày 10/11/2012; Phan Thị Mỹ Hoàn, sinh ngày 10/11/2012; Phan Thị Thùy Trang, sinh ngày 29/8/2008 hiện cả 3 con chung đang ở với chị, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường từ khi ly thân đến nay chị vẫn nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Phía anh H cũng có nguyện vọng nuôi cả 3 con không yêu cầu chị D đóng góp nuôi con. Xét thấy về điều

kiện nuôi con, chị D có điều kiện nuôi con hơn vì chị bán Hng online tại nH thu nhập 10.000.000đ /1 tháng. Việc đưa đón các đón và dạy bảo các con được thuận tiện. Phía anh H lái xe tải thuê công việc đi từ sáng đến tối muộn mới về đến nH, việc chăm con và đưa đón các con không được thuận tiện hơn nữa hiện nay đang dịch covid - 19 các cháu thường xuyên học online tại nH cần phải có người quản lý, trông non vì vậy giao cả 3 con cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn.

Về cấp dưỡng nuôi con. Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, Chị D, anh H xác định không có nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27; của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, Điều 227, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27; của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phan Văn H.

3. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 3 con chung là Phan Duy THnh, sinh ngày 10/11/2012; Phan Thị Mỹ Hoàn, sinh ngày 10/11/2012; Phan Thị Thùy Trang, sinh ngày 29/8/2008

Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Sau khi ly hôn anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai thu số 0008638, ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Y. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh